TÒA ÁN NH1 DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **348**/2023/DS-PT
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp "thừa kế tài sản"

NH1 D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH1 DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Giang

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường

Ông Phạm văn Diệp

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nH1 dân tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nH1 dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà***: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nH1 dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Thừa kế tài sản";

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nH1 dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 294/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Thông báo số 199/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc thay đổi ngày xét xử, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị V**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: ấp Phước Đức B, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà V là ông Trần Quốc T, sinh năm: 1982. Địa chỉ: ấp Phước Hội A, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Phạm Văn Để**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q:*

+ Ông Đoàn Văn H1, sinh năm 1960; Ông Đoàn Minh Q, sinh năm 1980; Ông Đoàn Văn T3, sinh năm 1985; Ông Đoàn Văn T4, sinh năm 1989; Ông Đoàn Văn T5,

sinh năm 1991; Ông Đoàn Văn B, sinh năm 1994; cùng nơi cư trú: ấp Xóm Bố, xã Hiệp Thạnh, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (Ông H1 vắng mặt; ông Q, ông T3, ông T4, ông T5, ông B - có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị PH, sinh năm 1992; Nơi cư trú: ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1984. Nơi cư trú: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị Ngọc D1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Vũ Thị TH, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Tấn H5, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Bàu Đồn, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Phạm Thị M3, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp 5, xã Bàu Đồn, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q: Ông Nguyễn Văn Y, bà Nguyễn Ngọc G, bà Nguyễn Thị Th. Không có kháng cáo, kháng nghị. Tòa không triệu tập.

NỘI D1 VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cha bà V là cụ Phạm Văn Nê (chết ngày 05-3-2018), mẹ bà V là cụ Đàm Thị Dời (chết năm 1963). Hai cụ chết không để lại di chúc.

Cụ Nê và cụ Dời chung sống có 03 người con cụ thể: Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Deo và ông Phạm Văn Để. Hai cụ không có con riêng và không có con nuôi. Bà Deo chết ngày 24-3-2018, bà Deo chung sống với ông Đoàn Văn H1 có 05 người con gồm: Đoàn Minh Q, Đoàn Văn T3, Đoàn Văn T4, Đoàn Văn T5 và Đoàn Văn B. Bà Deo không có con nuôi.

Tài sản của cụ Nê gồm có 03 diện tích đất gồm: Diện tích đất 4.296,5m^2, thửa số 82, tờ bản đồ số 17; diện tích đất 3.752,2m^2, thửa số 56, tờ bản đồ 18; diện tích đất 4.343,7m^2, thửa số 55, tờ bản đồ 18. Đất tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Phạm Văn Nê đứng tên. Ngoài ra không còn tài sản nào khác. Khi còn sống cụ Nê chưa chia tài sản cho các con.

Nay bà V yêu cầu ông Để chia thừa kế theo pháp luật 03 diện tích đất cụ thể: Diện tích đất 4.296,5m^2, thửa số 82, tờ bản đồ số 17; diện tích đất 3.752,2m^2, thửa số 56, tờ bản đồ 18; diện tích đất 4.343,7m^2, thửa số 55, tờ bản đồ 18. Đất

tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn Nê đứng tên.

Đối với di chúc được lập ngày 23 tháng 6 năm 2009, thời điểm này cụ Nê tuổi cao, sức yếu, bệnh tật, đi lại khó khăn không thể lập di chúc được, hơn nữa nội D1 và hình thức của di chúc cũng không tuân T5 theo quy định của pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 23 tháng 6 năm 2009 là vô hiệu.

Bị đơn ông Phạm Văn Để trình bày: Cha ông là cụ Phạm Văn Nê (chết ngày 05-3-2018), mẹ ông là cụ Đàm Thị Dời (chết năm 1963). Cụ Dời chết không để lại di chúc, nhưng cụ Nê chết có để lại di chúc.

Cụ Nê và cụ Dời chung sống có 03 người con cụ thể: Bà Phạm Thị V, bà Phạm Thị Deo và ông là Phạm Văn Để. Cha mẹ không có con riêng và không có con nuôi. Bà Deo chết ngày 24-3-2018, bà Deo chung sống với ông Đoàn Văn H1 có 05 người con gồm: Đoàn Minh Q, Đoàn Văn T3, Đoàn Văn T4, Đoàn Văn T5 và Đoàn Văn B. Bà Deo không có con riêng và không có con nuôi.

Nguồn gốc các diện tích đất tranh chấp là của cụ Nê tự tạo và sử dụng đến ngày 17-7-1998 cụ Nê được Ủy ban nH1 dân huyện GD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể: Diện tích đất 4.296,5m^2, thửa số 82, tờ bản đồ số 17; diện tích đất 3.752,2m^2, thửa số 56, tờ bản đồ 18; diện tích đất 4.343,7m^2, thửa số 55, tờ bản đồ 18. Đất tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Các chị của ông là bà V và bà Deo có chồng và sống riêng với cha mẹ ông, còn ông là con trai út sống chung với cha mẹ từ nhỏ và phụng dưỡng cha nên vào ngày 23 tháng 6 năm 2009 cha ông là cụ Phạm Văn Nê di chúc cho ông được hưởng toàn bộ 03 diện tích đất nêu trên. Các tài sản trên đất là của vợ chồng ông. Theo yêu cầu của bà V ông không đồng ý vì 03 diện tích đất này cha ông là cụ Nê đã di chúc cho ông rồi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, ông Q, ông T3, ông T4, ông T5 và ông B là bà PH trình bày: Lời trình bày của ông T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng. Nay chị đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Ngọc D1, bà Vũ Thị TH, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Tấn H5, bà Phạm Thị M3 trình bày: Diện tích đất bà V yêu cầu chia thừa kế là của ông Để do cụ Nê đã di chúc cho ông Để vào năm 2009, nên yêu cầu của bà V là không có cơ sở.

Ông Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Ngọc Giang trình bày: Giữa đất của ông bà với đất của ông Để đã có ranh cụ thể nên ông bà không tranh chấp và cũng không yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Bà Thúy trình bày: Bà thuê quán nhà của ông Để bán quán ăn gia đình, khi thuê bà không biết đất có tranh chấp, nay bà V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế với

ông Để không có liên Q gì đến hợp đồng thuê giữa bà và ông Để vì các tài sản trên đất do ông Để xây dựng bà là người đến thuê nên bà không khiếu nại và cũng không tranh chấp gì T3 vụ án này. Việc thuê quán giữa bà và ông Để thì bà và ông Để tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết và bà từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2023/DS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nH1 dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh, đã xử:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 122, 124, 646, 647, 648, 652, 657, 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 624, 626, 643, 630 và 635 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Phạm Thị V đối với Phạm Văn Để.

Ông Phạm Văn Để được quyền sử dụng các diện tích đất qua đo đạc thực tế:

Diện tích đất 8.193,7m^2 thuộc thửa số 55, 56, tờ bản đồ 18 (BĐĐC VN-2000), tương ứng thửa cũ 1448, 1449, 1450, tờ bản đồ 02 (BĐ 299), có tứ cận: Đông giáp thửa 232 dài 1.01m + 20.54m + 22.42m và thửa 166 dài 23.78m; Tây giáp đường nhựa dài 25.65m + 49.75m; Nam giáp thửa 61 dài 44.33m + 78.22m; Bắc giáp đường đất dài 10.14m + 53.36m + 50.58m và thửa 232 dài 2.10m + 10.83m + 14.74m.

Diện tích 4.291,0m^2 thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 17 (BĐĐC 2005), tương ứng thửa cũ 228,282, tờ bản đồ 02 (BĐ 299), có tứ cận: Đông giáp đường nhựa Phước Hội - Cầu Ô 67.39m; Tây giáp thửa 693 dài 7.92m + 13.26m + 5.60m và thửa 51 dài 38.74m; Nam giáp thửa 84 dài 16.19m + 29.31m + 26.75m; Bắc giáp thửa 51 dài 3.86m và thửa 52 dài 17.94m + 15.47m + 26.89m.

Hai diện tích đất tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01112 QSDĐ/450806 do UBND huyện GD cấp ngày 17/7/1998 cho ông Phạm Văn Nê đứng tên.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị V đối với ông Phạm Văn Để về việc yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 23/6/2009 vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05, 06-6-2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q là Ông Đoàn Văn H1; Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B và nguyên đơn bà Phạm Thị V kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Bà V và người đại diện theo uỷ quyền của bà V trình bày: Giữ nguyên nội D1 kháng cáo, đề nghị: Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng huỷ tờ di chúc ngày 23-6-2009 và chia thừa kế theo quy định pháp luật phần bà V yêu cầu hưởng thừa kế là hiện vật, nhận đất diện tích là 1.430m^2 trong diện tích 4.291m^2 thửa số 82 tờ bản đố số 17 và diện tích 2.731,3m^2 nằm trong diện tích 8.193,7m^2 thửa số 55, 56, tờ bản đồ 18, cả hai diện tích yêu cầu đều là đất trống, không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông Phạm Văn Để.

Người đại diện theo uỷ quyền của 6 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q: Ông Đoàn Văn H1; Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B, là chồng và các con của bà Phạm Thị Deo đã chết trình bày: Giữ nguyên nội D1 kháng cáo, thống nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn, đề nghị huỷ di chúc ngày 23-6-2009 và chia thừa kế theo quy định pháp luật phần bà V yêu cầu thừa kế là hiện vật, nhận đất diện tích 1.430m^2 nằm trong diện tích 4.291m^2 thửa số 82 tờ bản đố số 17 và diện tích 2.731,3m^2 nằm trong diện tích 8.193,7m^2 thửa số 55, 56, tờ bản đồ 18, cả hai diện tích yêu cầu đều là đất trống, không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của ông Phạm Văn Để.

Phía bị đơn ông Để trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q vì nguồn gốc đất là của cha ông, ông sống cùng với cha từ nhỏ cho đến khi cha chết, chỉ có ông chăm sóc, phụng dưỡng cha cho đến khi cha bị bệnh ưng thư chết, các chị gái là bà V, bà Deo có chồng đã theo chồng, khi nhận tiền đền bù đất ở nơi khác, cha có cho mỗi người chị gái 50.000.000 đồng, phần còn lại tôi dùng điều trị bệnh ung thư cho cha cho đến khi chết. Việc di chúc toàn bộ diện tích đất cho ông là do cha ông tự nguyện làm, sức khoẻ tốt, tinh thần minh mẫn, ông cùng cha đến Uỷ ban nH1 dân xã thực hiện di chúc đất lại cho ông là khách Q, có chính quyền địa PH xác nhận, việc xác nhận của Uỷ ban nH1 dân xã PT là đúng sự thật, yêu cầu Toà án xem xét giải quyết đúng pháp luật.

Đại diện nguyên đơn trình bày tranh luận: Di chúc không hợp pháp, bởi vì; Ông Phạm Văn Nê sinh năm 1925, không phải sinh năm 1928 như di chúc thể hiện; Ông Nê chỉ điểm chỉ thể hiện ông không biết chữ thì phải có hai người làm chứng theo Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2005 nhưng di chúc không có ai làm chứng; Diện tích đất trong di chúc không rõ ràng vì còn diện tích đất ở khu công nghiệp PĐ; Thời điểm lập di chúc không có khám sức khoẻ để chứng minh tinh thần minh mẫn sáng suốt; Lập di chúc không đúng pháp luật, trái đạo đức vì không có căn cứ thể hiện 2 người con gái bất hiếu, ngược đãi, ông Nê truất quyền hưởng thừa kế của 2 người này là không có căn cứ.

Ông Để, bà D1, bà M3, ông H5: Không đồng ý lời tranh luận của đại diện nguyên đơn và người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q.

Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân tỉnh Tây Ninh trình bày Q điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự T5 tục tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội D1: Nguồn gốc đất là của ông Phạm Văn Nê được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998, là tài sản của cụ Nê, cụ được quyền định đoạt, di chúc. Việc di chúc thực hiện tại Uỷ ban nH1 dân xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh là phù hợp pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q. Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ ý kiến của đương sự, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 và 06-6-2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q là Ông Đoàn Văn H1; Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B và nguyên đơn bà Phạm Thị V có đơn kháng cáo, qua xem xét trình tự T5 tục kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên Q: ông H1, ông D, bà TH, bà R, vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự

[2]. Về Q hệ pháp luật giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là đất của cha ruột là cụ Phạm Văn Nê (chết ngày 05-3-2018) để lại. Phía bị đơn ông Pham Văn Để không đồng ý. Các bên có tranh chấp, cấp sơ thẩm xác định Q hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp "Thừa kế tài sản" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị V và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phạm Thị Deo (chết ngày 24-3-2018), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Diện tích đất yêu cầu chia thừa kế qua đo đạc có 2 diện tích, cụ thể: diện tích 8.193,7m^2 và diện tích 4.291,0m^2, tổng diện tích là 12.484,7m^2 . Cả hai diện tích đất tọa lạc tại ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Hiện do vợ chồng ông Để và các con quản lý, sử dụng.

[3.2] Tại phiên toà, các đương sự thống nhất mẹ tên Đàm Thị Dời chết năm 1963, diện tích đất trên là của cha là cụ Phạm Văn Nê để lại. Hàng thừa kế của cụ

Phạm Văn Nê gồm: Phạm Thị V, Phạm Thị Deo (chết ngày 24-3-2018, có chồng và 5 con tham gia tố tụng), Phạm Văn Để.

[3.3] Xét cụ Phạm Văn Nê được Uỷ ban nH1 dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 17-7-1998 số vào sổ 01112 QSDĐ/450806 diện tích 13.235 m^2 tại xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh với 5 thửa 228, 282, 1448, 1449, 1450 việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp nên cụ Nê được toàn quyền định đoạt.

[3.4] Đến ngày 23-6-2009 cụ Nê đã di chúc toàn bộ diện tích đất trên cho bị đơn ông Phạm Văn Để, cùng ngày có tiến hành thực hiện T5 tục khai tử đối với cụ Đàm Thị Dời, các T5 tục trên được thực hiện tại Uỷ ban nH1 dân xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Tại Văn bản số 38/UBND ngày 07-9-2023 của Uỷ ban nH1 dân xã PT trả lời cho Toà án tỉnh Tây Ninh có nội D1 "*Thời điểm ngày 23-6-2009 bà Nguyễn Thị Rưng người ký xác nhận tờ di chúc là Phó Chủ tịch Uỷ ban nH1 dân xã và không tìm thấy sổ bộ lưu di chúc*". Có căn cứ xác định thời điểm 23-6-2009 cụ Nê và ông Để có đến Uỷ ban nH1 dân xã thực hiện di chúc là có thật.

[3.5] Đối với việc nguyên đơn cho rằng cụ Phạm Văn Nê sinh năm 1925 cha của các đương sự, theo di chúc thể hiện Phạm Văn Nê sinh năm 1928 là không đúng, là người khác. Cụ Nê sinh năm 1925 là được xác định theo giấy khai sinh của bà Phạm Thị V. Qua xem xét giấy khai sinh của bà Phạm Thị V (BL 100) là việc bà V đăng ký khai sinh tại Uỷ ban nH1 dân xã PĐ số 145 ngày 20-4-2019, sau khi cụ Nê chết, tài liệu này do bà V tự khai, không phải là tài liệu thể hiện tính có căn cứ pháp lý xác định về năm sinh của cụ Nê và theo tài liệu bà V cung cấp trong quá trình khởi kiện tại giấy trích lục giấy khai tử (BL 09) ngày 08-3-2018 thể hiện cụ Phạm Văn Nê sinh năm 1928 phù hợp với năm sinh trong tờ di chúc ghi rõ 1928 chứng minh nH1 dân số 290255833 cấp ngày 18-7-2007 tại Công an Tây Ninh. Do đó, phía nguyên đơn cho rằng cụ Phạm Văn Nê sinh năm 1925 là không có căn cứ.

[3.5] Về diện tích đất: Di chúc xác định diện tích 13.235m^2 tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01112 QSDĐ/450806 cấp ngày 17-7-1998. Qua xem xét, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên gồm có 5 thửa 228, 282, 1448, 1449, 1450 với tổng diện tích 13.235m^2 phù hợp với nội D1 di chúc và nội D1 di chúc còn thể hiện điều kiện là: "*Ông Để phụng dưỡng cha cho đến khi ông qua đời và các con không có tên trong di chúc không được quyền tranh cản*". Di chúc còn được Phó Chủ tịch Uỷ ban nH1 dân xã PT xác nhận cùng ngày 23-6-2009 nội D1: "*Đương sự Phạm Văn Nê sinh năm 1928 có hộ khẩu thường trú tại địa PH xã PT có mặt và ký di chúc để lại cho con trai Phạm Văn Để, sinh năm 1964 là thật*" – thể hiện rõ sự tự định đoạt của cụ Phạm Văn Nê, sau khi ký di chúc 09 năm sau cụ Nê chết, trong khoản thời gian dài cụ Nê không thay đổi di chúc. Qua xem xét di chúc trên được thực hiện tại Ủy ban nH1 dân xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh phù hợp Điều 648 của

Bộ luật Dân sự về quyền của người lập di chúc; Điều 649 của Bộ luật Dân sự về hình thức di chúc; Điều 650 của Bộ luật Dân sự về Di chúc bằng văn bản; Điều 652; Điều 653 của Bộ luật Dân sự và phù hợp Điều 2, Điều 7, Điều 24, Điều 50 của Nghị định 75/ 2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 01-4-2001. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và 06 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Q trong vụ án. Đề xuất của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị V, ông Đoàn Văn H1 là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các ông: Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, do không được chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản.

[5.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo các biên lai thu 0025595, 0025596, 0025597, 0025598, 0025599 ngày 14-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị V và của 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q là ông Đoàn Văn H1, Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147; Điều 148; Điều 158; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 122, 124, 646, 647, 648, 652, 657, 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 624, 626, 643, 630 và 635 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 167 và Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế tài sản của bà Phạm Thị V đối với Phạm Văn Để.

Ông Phạm Văn Để được quyền sử dụng các diện tích đất cụ thể như sau:

+ Diện tích đất 8.193,7 m^2 thuộc thửa số 55, 56, tờ bản đồ 18 (BĐĐC VN-2000), tương ứng thửa cũ 1448, 1449, 1450, tờ bản đồ 02 (BĐ 299), có tứ cận:

Đông giáp thửa 232 dài 1.01m + 20.54m + 22.42m và thửa 166 dài 23.78m;

Tây giáp đường nhựa dài 25.65m + 49.75m;

Nam giáp thửa 61 dài 44.33m + 78.22m;

Bắc giáp đường đất dài 10.14m + 53.36m + 50.58m và thửa 232 dài 2.10m + 10.83m + 14.74m.

+ Diện tích 4.291,0 m^2 thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 17 (BĐĐC 2005), tương ứng thửa cũ 228,282, tờ bản đồ 02 (BĐ 299), có tứ cận:

Đông giáp đường nhựa Phước Hội - Cầu Ô 67.39m;

Tây giáp thửa 693 dài 7.92m + 13.26m + 5.60m và thửa 51 dài 38.74m;

Nam giáp thửa 84 dài 16.19m + 29.31m + 26.75m;

Bắc giáp thửa 51 dài 3.86m và thửa 52 dài 17.94m + 15.47m + 26.89m.

Hai diện tích đất trên tọa lạc ấp PĐ, xã PT, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01112 QSDĐ/450806 do UBND huyện GD, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 17-7-1998 cho ông Phạm Văn Nê đứng tên.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị V đối với ông Phạm Văn Để về việc yêu cầu tuyên bố di chúc lập ngày 23-6-2009 vô hiệu.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị V, ông Đoàn Văn H1 là người cao tuổi được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

3.1 Án phí dân sự

Các ông: Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, do không được chấp nhận yêu cầu chia thừa kế tài sản.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: các Ông Đoàn Minh Q; Ông Đoàn Văn T3; Ông Đoàn Văn T4; Ông Đoàn Văn T5; Ông Đoàn Văn B mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ghi nhận đã nộp xong theo các biên lai thu 0025595, 0025596, 0025597, 0025598, 0025599 ngày 14-6-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Bà Phạm Thị V phải chịu 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm ngàn). Ghi nhận bà V đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND Tối cao Hà Nội (Vụ 2);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện GD;
- VKSND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Giang